

Bản án số: 650/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2018

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 902/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1981

Thường trú: đường L, khu phố H, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 1973

Thường trú: Đường T, khu phố M, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bảo Tr tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại địa chỉ Đường T, khu phố M, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2010, bà T chuyển về sống tại nhà mẹ ruột ở địa chỉ đường L, khu phố H, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Trong thời gian sống chung với gia đình chồng, vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, lối sống. Lúc này, ông Tr đi làm về đều đưa tiền lương cho mẹ

chồng, mọi chi phí sinh hoạt bà T đều tự lo. Khi bà T chuyển về Quận C ở cùng địa chỉ với nhà mẹ thì ông Tr không theo về mà chỉ thỉnh thoảng ghé thăm vợ con. Lúc này, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi khi mâu thuẫn xảy ra thì ông Tr thường đập phá đồ đạc, cãi nhau với gia đình vợ. Đến năm 2013, sau khi sinh con thứ hai được hơn 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông Tr không còn qua lại thăm con thường xuyên và cũng không chu cấp tiền cho con. Đến nay, bà T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà T và ông Tr có 02 con chung tên Nguyễn Khang D, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 15/6/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Bảo Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do. Ngày 22/5/2018, ông Tr có Đơn trình bày với nội dung vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Tr thừa nhận trong thời gian qua bản thân còn nhiều thiếu sót trong việc chăm lo cho gia đình, chưa hoàn thành trách nhiệm của người chồng, người cha. Nay ông Tr cam kết sẽ cố gắng dành nhiều thời gian chăm lo gia đình.

3. Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác định không thể tiếp tục chung sống với ông Tr và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Tr; Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Khang D, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 15/6/2013, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Bảo Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bảo Tr. Theo Kết quả xác minh của Công an phường L, quận T thì bị đơn ông Tr hiện đang cư ngụ tại Đường T, khu phố

M, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bị đơn ông Nguyễn Bảo Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

## 2. Về nội dung:

Ông Nguyễn Bảo Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, ông Tr đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

### 2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bảo Tr tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008 quyển số 01 ngày 23 tháng 02 năm 2008. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Tr là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Mâu thuẫn giữa bà T và ông Tr phát sinh từ khi vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng, chủ yếu là về vấn đề tài chính và lối sống của hai bên. Mặc dù ông Tr đã nhận ra thiếu sót của bản thân, chưa hoàn thành trách nhiệm của người chồng, người cha và xác định vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng vợ chăm sóc các con, nhưng tại phiên tòa bà T xác định trong thời gian qua ông Tr không có hành động gì thể hiện ý muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, đồng thời bà T khẳng định không thể tiếp tục chung sống với ông Tr, tình cảm vợ chồng đã không còn và vẫn kiên quyết ly hôn với ông Tr.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Tr đã thật sự trầm trọng, không bên nào quan T đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

### 2.2 Về con chung:

Bà T và ông Tr có 02 con chung tên Nguyễn Khang D, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 15/6/2013.

Con chung tên Nguyễn Khang D có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời, theo trình bày của bà T cũng như Kết quả xác minh của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận T thì bà T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung tên Nguyễn Khang D và Nguyễn Đan N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bảo Tr.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2008, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2008 cho ông Nguyễn Bảo Tr và bà Phạm Thị Ngọc T không còn giá trị pháp lý).

1.2 Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Bảo Tr có 02 con chung tên Nguyễn Khang D, sinh ngày 01/4/2011 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 15/6/2013.

Giao hai con chung tên Nguyễn Khang D và Nguyễn Đan N cho bà Phạm Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu ông Nguyễn Bảo Tr cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037058 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Bảo Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương Châu**